ỦY BAN BẦU CỬ TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /QĐ-UBBC	*Trà Vinh, ngày 01 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026

ỦY BAN BẦU CỬ TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Theo Hướng dẫn số 25/HD-STC ngày 03/02/2021 của Sở Tài chính quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026 (Đính kèm Phương án).

Điều 2. Giao Sở Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức phụ trách bầu cử được phân bổ kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lưu: TT.UBBC.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH TRÀ VINH

PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY
CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Kim Ngọc Thái

ỦY BAN BẦU CỬ TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /QĐ-UBBC ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh)

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Ủy ban cầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 25/HD-STC ngày 03/02/2021 của Sở Tài chính quy định mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh xây dựng Phương án phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

I. CẤP TỈNH: 8.651.767.000đ

1. Ban Chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 – 2026: 28.800.000đ

- Chi bồi dưỡng cho Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban, 01 ủy viên:

2.000.000đ/người x 3 người x 4 tháng = 24.000.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động:

400.000đ/người x 3 người x 4 tháng = 4.800.000đ

2. Ủy ban bầu cử tỉnh: 233.600.000đ

- Chi bồi dưỡng cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Thư ký:

2.000.000đ x 6 người x 4 tháng = 48.000.000đ

- Thành viên Ủy ban bầu cử: 1.800.000đ x 20người x 4 tháng = 144.000.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động:

400.000đ/người x 26 người x 4 tháng = 41.600.000đ

3. Tổ Chuyên viên giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh: 161.200.000đ

- Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp:

1.800.000đ x 2 người x 4 tháng = 14.400.000đ

- Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; kế toán, thủ quỹ Ủy ban bầu cử:

1.600.000đ x 16 người x 4 tháng = 102.400.000đ

- Chi khoán điện thoại di động 18 người hoạt động 4 tháng:

400.000đ x 18 người x 4 tháng = 28.800.000đ

- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 52 người x 2 ngày x 150.000đ = 15.600.000đ

4. Công tác phục vụ của Ủy ban bầu cử tỉnh: = 6.439.567.000đ

- Vé máy bay dự tổng kết của 6 người

7.364.000đ/vé x 6 người = 44.184.000đ

- Nghỉ, phụ cấp, tiền taxi = 10.000.000đ

- Xăng kiểm tra, dự họp, thuê mướn chuyển giao tài liệu phục vụ bầu cử, nhận và kiểm tra hồ sơ ứng cử viên … = 20.000.000đ

- Máy photo, máy Fax, điện thoại, máy vi tính = 140.800.000đ

- Trang trí hội trường, hoa tươi…

1.000.000đ/cuộc x 9 cuộc = 9.000.000đ

- Thuê hội trường phục vụ các cuộc hội nghị, tập huấn = 40.000.000đ

- Cước dịch vụ hội nghị trực tuyến = 32.500.000đ

- Chi xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết = 3.000.000đ

- Chi xây dựng báo cáo kiểm tra, giám sát và chỉnh lý tổng hợp = 2.000.000đ

- Thù lao báo cáo viên tập huấn nghiệp vụ bầu cử:

1.000.000đ/buổi x 2 cuộc = 2.000.000đ

- Bảng tên Ủy ban bầu cử tỉnh và các bảng nhỏ = 4.000.000đ

- Cước phí gửi thư, thông tin, liên lạc, Fax nhanh = 20.000.000đ

- Chi tiếp các đoàn Trung ương đến làm việc = 60.000.000đ

- Chi ăn sáng cho những người ứng cử và lãnh đạo, cán bộ, lái xe… của Sở, Ban ngành tỉnh đi theo đoàn tiếp xúc cử tri của những người ứng cử = 200.000.000đ

- Xăng, xe tiếp xúc cử tri = 150.000.000đ
- Chi phòng nghỉ cho 2 người ứng cử đại biểu Quốc hội của Trung ương:

1.000.000đ/phòng x 10 đêm x 2 phòng = 20.000.000đ

- Chi phòng nghỉ cho 2 lái xe của người ứng cử đại biểu Quốc hội Trung ương:

600.000đ/phòng x 10 đêm x 1 phòng = 6.000.000đ

- Dàn dựng và thu hình Tổ bầu cử (chi hỗ trợ) = 10.000.000đ
- Khen thưởng = 200.000.000đ
- Văn phòng phẩm (giấy, mực photo, sơ mi, bao thư…) = 80.000.000đ
- Chi phí In ấn: = 5.100.000.000đ
- Chi phí khắc dấu = 281.083.000đ
- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay) = 5.000.000đ

5. 02 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV: 110.800.000đ

* Tổng số 30 người: 02 Trưởng ban, 04 Phó Trưởng ban, 02 Thư ký hoạt động 2 tháng (Trước ngày bầu cử 2 tháng):

- Chi bồi dưỡng 8 người hoạt động 2 tháng:

2.000.000đ x 8 người x 2 tháng = 32.000.000đ

- Chi tiền điện thoại: 400.000 x 8 người x 2 tháng = 6.400.000đ
- Chi bồi dưỡng 22 người hoạt động 1 tháng:

1.800.000đ x 22 người = 39.600.000đ

- Chi tiền điện thoại: 400.000 x 22 người x 1 tháng = 8.800.000đ
- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 30 người x 2 ngày x 150.000đ = 9.000.000đ
- Trang trí, quét dọn hội trường, nước uống, … :

1.000.000đ/cuộc x 2 cuộc x 2 Ban = 4.000.000đ

- Thù lao báo cáo viên tập huấn nghiệp vụ bầu cử:

1.000.000đ/buổi x 2 buổi x 2 Ban = 4.000.000đ

- Văn phòng phẩm (giấy, mực, photo…) chi theo thực tế

2.000.000đ x 2 Ban = 4.000.000đ

- Bảng tên 2 Ban bầu cử đại biểu Quốc hội

500.000đ x 2 bảng = 1.000.000đ

- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay)

1.000.000đ/xã x 2 Ban = 2.000.000đ

6. 14 Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 667.800.000đ

* Tổng số 182 người: 14 Trưởng ban, 28 Phó Trưởng ban, 14 Thư ký; 126 người thành viên:

- Chi bồi dưỡng cho 56 người hoạt động 2 tháng

2.000.000đ x 56 người x 2 tháng = 224.000.000đ

- Chi tiền điện thoại: 400.000 x 56 người x 2 tháng = 44.800.000đ

- Chi bồi dưỡng 126 người hoạt động 1 tháng:

1.800.000đ x 126 người x 1 tháng = 226.800.000đ

- Chi tiền điện thoại: 400.000 x 126 người x 1 tháng = 50.400.000

Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 56 người x 2 ngày x 150.000đ = 16.800.000đ

- Trang trí, quét dọn hội trường:

1.000.000đ/buổi x 2 buổi x 14 Ban = 28.000.000đ

- Thù lao báo cáo viên tập huấn nghiệp vụ bầu cử:

1.000.000đ/cuộc x 2 cuộc x 14 Ban = 28.000.000đ

- Văn phòng phẩm (giấy, mực, photo…) chi theo thực tế:

2.000.000đ x 14 Ban = 28.000.000đ

- Bảng tên Ban bầu cử: 500.000đ x 14 Ban = 7.000.000đ

- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay)

1.000.000đ/xã x 14 Ban = 14.000.000đ

7. Liên đoàn Lao động tỉnh = 20.000.000đ

8. Các ngành tỉnh = 990.000.000đ

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh = 280.000.000đ
- Văn phòng Tỉnh ủy = 30.000.000đ
- Văn phòng HĐND tỉnh = 60.000.000đ
- Sở Thông tin và Truyền thông = 20.000.000đ
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch = 260.000.000đ
- Công an tỉnh = 40.000.000đ
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh = 50.000.000đ
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh = 20.000.000đ
- Đài Phát thanh và Truyền hình = 30.000.000đ

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (bao gồm kinh phí của Tiểu ban thông tin, tuyên truyền). = 70.000.000đ
- Ban Dân vận Tỉnh ủy = 20.000.000đ
- Hội Nông dân tỉnh = 30.000.000đ
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh = 20.000.000đ
- Hội Cựu chiến binh tỉnh = 20.000.000đ
- Báo Trà Vinh = 20.000.000đ
- Tỉnh đoàn = 20.000.000đ

II. HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (Phân bổ kinh phí đến xã, phường, thị trấn và Tổ bầu cử): 30.161.440.000đ

Trong đó:

- Thành phố Trà Vinh: 2.789.396.000đ
- Huyện Càng Long: 4.185.880.000đ
- Huyện Cầu Kè: 3.367.988.000đ
- Huyện Tiểu Cần: 3.605.436.000đ
- Huyện Châu Thành: 3.843.632.000đ
- Huyện Cầu Ngang: 3.945.964.000đ
- Huyện Trà Cú: 4.391.568.000đ
- Huyện Duyên Hải: 2.217.968.000đ
- Thị xã Duyên Hải: 1.813.608.000đ

1. 09 Ủy ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố: 472.500.000đ

* Tổng số: 135 người, trong đó 45 người (2 người Ban chỉ đạo, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký UBNC huyện; 01 ban tối đa 15 người).

- Chi bồi dưỡng cho 45 người:

1.500.000đ/người x 45 người x 2 tháng = 135.000.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động:

300.000đ/người x 45 người x 2 tháng = 27.000.000đ

- Chi bồi dưỡng cho 90 người:

1.200.000đ x 90 người x 02 tháng = 216.000.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động:

300.000đ/người x 90 người x 2 tháng = 54.000.000đ

Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 135người x 2 ngày x 150.000đ = 40.500.000đ

2. 92 Ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố: 1.904.400.000đ

* Tổng số 1.012 người, trong đó 276 người (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký; 01 ban tối đa 11 người)

- Chi bồi dưỡng cho 276 người hoạt động 1 tháng:

1.500.000đ/người x 276 người x 1 tháng = 414.000.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động:

300.000đ/người x 276 người x 1 tháng = 82.800.000đ

- Chi bồi dưỡng cho 736 người.

1.200.000đ x 736 người x 1 tháng = 883.200.000đ

- Khoán hỗ trợ cước phí điện thoại di động

300.000đ/người x 736 người x 1 tháng = 220.800.000đ

Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 1.012 người x 2 ngày x 150.000đ = 303.600.000đ

3. 09 Tổ Chuyên viên của Ủy ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố: 307.800.000đ

* Tổng số 180 người, trong đó, 26 người (mỗi huyện 03 người).

- Chi bồi dưỡng cho 27 người hoạt động 1 tháng:

1.200.000đ x 36 người x 1 tháng = 32.400.000đ

- Chi khoán điện thoại di động cho 27 người hoạt động 1 tháng:

300.000đ x 27 người x 1 tháng = 8.100.000đ

- Chi bồi dưỡng cho kế toán, thủ quỹ:

2 người x 1.000.000 x 1 tháng = 18.000.000đ

- Chi khoán điện thoại di động cho kế toán, thủ quỹ 1 tháng:

300.000 đ x 2 người x 9 huyện = 5.400.000đ

- Chi bồi dưỡng cho 144 người:

1.000.000đ x 144 người = 144.000.000đ

- Chi khoán điện thoại di động cho 36 người hoạt động 1 tháng:

300.000 đ x 144 người = 43.200.000đ

- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 21 người/ tổ x 9 tổ x 2 ngày x 150.000đ = 56.700.000đ

4. Công tác phục vụ của Ủy ban bầu cử huyện, thị xã, thành phố: 4.600.340.000đ

- Chi xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết (Báo cáo sơ kết 700.000; Báo cáo tổng kết 1.500.000): 2.200.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 19.800.000đ

- Xây dựng báo cáo kiểm tra, giám sát

1 báo cáo x 900.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 8.100.000đ

- Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 9.000.000đ

- Chi khắc dấu = 187.440.000đ

- Trang trí, quét dọn hội trường, nước uống …

1.000.000đ/cuộc x 2 cuộc x 9 huyện, thị xã, thành phố = 18.000.000đ

- Bảng tên Ủy ban bầu cử:

500.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố x 2 cuộc = 9.000.000đ

- Cước phí gửi thư, thông tin, liên lạc, Fax nhanh (chi theo thực tế):

2.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 18.000.000đ

- Chi tiếp các đoàn đến làm việc, kiểm tra:

2.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 18.000.000đ

- Xăng, xe tiếp xúc cử tri:

6.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 54.000.000đ

- Khen thưởng: 15.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 135.000.000đ

- Văn phòng phẩm:

5.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 45.000.000đ

- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay)

2.000.000đ/xã x 9 huyện, thị xã, thành phố = 18.000.000đ

- Đài Truyền thanh:

5.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 45.000.000đ

- *Văn hóa và Thông tin:*

5.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 45.000.000đ

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc:

10.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 90.000.000đ

- Công an:

5.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 45.000.000đ

- Quân sự:

5.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 45.000.000đ

- Khoán chi cho công tác trang trí tổ bầu cử (vải làm phòng kín, viết, thước …) : 1.000.000đ x 1.111 tổ bầu cử = 1.111.000.000đ

* Chi phí hỗ trợ cho các điểm tổ chức hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc cử tri của những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026:

- Thành phố Trà Vinh, huyện Tiểu Cần, huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải:

250.000.000đ x 4 huyện = 1.000.000.000đ

- Huyện Càng Long, huyện Cầu Kè, huyện Châu Thành, huyện Cầu Ngang, huyện Trà Cú: 300.000.000đ x 5 huyện = 1.500.000.000đ

(Khoản kinh phí trên chi cho các công việc phục vụ bầu cử như: trang trí, nước uống..., số kinh phí còn lại chi cho công tác tuyên truyền, cổ động...).

- Chi cho việc công bố danh sách, tiểu sử của những người ứng cử, niêm yết danh sách những người ứng cử …: 20.000.000đ x 9 huyện, thị xã, thành phố = 180.000.000đ

5. 106 Ủy ban bầu cử xã, phường, thị trấn: 2.151.800.000đ

* Tổng số 1.166 người, trong đó, 424 người (mỗi xã 4 người) hoạt động 01 tháng, còn lại 742 người chi bồi dưỡng.

- Chi bồi dưỡng cho 424 người hoạt động 1 tháng:

1.000.000đ x 424 người x 1 tháng = 424.000.000đ

- Chi bồi dưỡng cho thành viên UBBC

7 người x 800.000đ x 106 xã = 593.600.000đ

- Chi bồi dưỡng cho kế toán, thủ quỹ:

2 người x 600.000 x 1 tháng x 106 xã = 127.200.000đ

- Chi khoán điện thoại di động cho 424 người hoạt động 1 tháng:

200.000đ x 13 người 106 x 1 tháng = 275.600.000đ

- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 13 người x 106 xã, phường, thị trấn x 2 ngày x 150.000đ = 413.400.000đ

- Ủy ban Mặt trận xã, phường, thị trấn: 3.000.000đ x 106 xã = 318.000.000

6. Công tác phục vụ của Ủy ban bầu cử xã, phường, thị trấn: 2.724.200.000đ

- Chi xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết (Báo cáo sơ kết 500.000; Báo cáo tổng kết 1.000.000): 1.500.000đ x 106 xã, phường, thị trấn = 159.000.000đ

- Xây dựng báo cáo kiểm tra, giám sát

1 báo cáo x 106 xã x 700.000đ = 74.200.000đ

- Chi khen thưởng: 10.000.000đ x 106 xã = 1.060.000.000đ

- Trang trí, quét dọn hội trường,

500.000đ/cuộc x 2 cuộc x 106 xã = 106.000.000đ

- Bảng tên Ủy ban bầu cử: 500.000đ x 106 xã = 53.000.000đ

- Cước phí gửi thư, thông tin, liên lạc, Fax nhanh:

1.000.000đ x 106 xã = 106.000.000đ

- Chi tiếp công dân: 1.000.000đ x 106 xã = 106.000.000đ

- Chi tiếp các đoàn đến làm việc, kiểm tra:

3.000.000đ x 106 xã = 318.000.000đ

- Xăng, xe tiếp xúc cử tri (chi theo thực tế):

3.000.000đ x 106 xã = 318.000.000đ

- Văn phòng phẩm: 2.000.000đ x 106 xã = 212.000.000đ

- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay)

2.000.000đ/xã x 106 xã = 212.000.000đ

7. 858 Ban bầu cử xã, phường, thị trấn: 4.890.600.000đ

* Tổng số 7.722 người, trong đó 2.574 người (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký), còn lại 5.148 người chi bồi dưỡng (01 ban tối đa 9 người)

- Chi bồi dưỡng cho 2.574 người:

1.000.000đ x 858 ban x 3 người = 2.574.000.000đ

- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 7.722 người x 2 ngày x 150.000đ = 2.316.600.000đ

8. 1.111 Tổ bầu cử: 13.109.800.000đ

* Tổng số 1.111 tổ x 21 người = 23.331 người:

- Chi bồi dưỡng (Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng, Thư ký) cho 3 người x 1.111 tổ x 800.000 = 2.666.400.000 đ

- Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 23.331 người x 2 ngày x 150.000đ = 6.999.300.000đ

- Dầu, xăng, nước uống, điện thắp sáng:

500.000đ x 1.111 Tổ bầu cử = 555.500.000đ

- Lập danh sách cử tri, phát thẻ cử tri:

300.000đ/Tổ x 1.111 Tổ bầu cử = 333.300.000đ

- Chi bồi dưỡng cho những người làm công tác trực tiếp tại Tổ bầu cử 1.000.000đ/Tổ x 1.111 Tổ = 1.111.000.000đ

- Vật tư y tế phòng, chống dịch (khẩu trang, nước rửa tay)

1.000.000đ/tổ x 1.111 tổ = 1.111.000.000đ

- Chi bồi dưỡng cho nhân viên y tế

150.000đ x 2 người x 1.111 tổ = 333.300.000đ

Tổng cộng: 38.813.207.000đ *(Ba mươi tám tỷ tám trăm mười ba triệu hai trăm lẽ bảy ngàn đồng)*

* Lưu ý: Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

Trên đây là Phương án phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của tỉnh Trà Vinh./.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
KT.CHỦ TỊCH
THƯ KÝ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH TRÀ VINH

Bùi Thành Thương